TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH T HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HS-ST
Ngày 18 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi T Bình

Ông Đỗ Trọng Hoành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn N - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tho Xuân, tỉnh T Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019;

Đối với bị cáo: **Nguyễn Văn H**, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1973 tại: xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; nơi cư trú: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Lê Thị B (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị P và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Vũ Quốc T - Luật sư Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: Số 53, đại lộ L, phường T, thành phố T, tỉnh T Hóa; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đỗ Văn N, sinh năm 1986, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* ông Lê Hồng N - Luật sư thuộc Trung tâm tư vấn pháp luật Câu lạc bộ L; địa

chỉ: Số 6, đường H, phường Đ, thành phố T, tỉnh T Hóa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, N vụ L1 quan:* Anh Đỗ Văn G, sinh năm 1989, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1984, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; có mặt.

2. Bà Ngô Thị O, sinh năm 1966, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

3. Chị H Thị N, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

4. Ông Lê Khắc C, sinh năm 1952, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm 1958, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

6. Ông Lê Đình T, sinh năm 1967, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

7. Bà Lê Thị L, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

8. Bà Trần Thị M, sinh năm 1971, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1947, địa chỉ: thôn 2, xã X, huyện T, tỉnh T Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 13/01/2018 Đỗ Văn G đi ra ruộng nhà mình tại thôn 2, xã Xuân Khánh để làm mạ. Khi ra đến nơi thì G thấy Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 ở cùng thôn đang lồng đất bằng máy ở ruộng bên cạnh, thấy anh H lấy nước to, sợ nước từ ruộng nhà H tràn sang ruộng nhà mình thì G nói với H: "Mẹ, lấy nước chi mà to rứa", H nói lại: "Lồng đất pH lấy nước, mi chửi cái chi rứa", thì G dùng cuốc tháo nước trong ruộng nhà H để nước chảy ra mương không cho tràn vào ruộng nhà G; thấy vậy H đi lại chỗ G và nói: "Răng mi lại trổ nước đi", nhưng G vẫn tiếp tục dùng cuốc tháo nước. H liền dùng tay đấm vào mặt, cổ, gáy, dùng chân đá một cái vào mông của G và dùng mũ cối đang đội trên đầu đánh một cái vào đầu G nhưng trúng mũ bảo hiểm của G đang đội trên đầu. Lúc này có anh Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn L1 đều ở thôn 2, xã Xuân Khánh đang làm đồng ở gần đó đến can ngăn nên H không đánh G nữa và tiếp tục lái máy lồng đất, còn G đi về nhà.

Khi G về đến nhà chị H Thị N (là vợ G) thấy mắt trái của G bị thâm bầm, chị N hỏi thì G nói bị H đánh, nên chị N đi sang nhà Đỗ Văn N (là anh ruột của G) để xin dầu gió về xoa bóp vết thương cho G, lúc này N đang chặt chuối, khi nghe chị N nói cho biết sự việc G bị H đánh, N cầm theo con dao bầu dài 35cm dắt lên xe mô tô và đi đến nhà G để hỏi xem sự việc cụ thể thế nào. Nghe G thuật lại sự việc bị H đánh, thì N bảo với G đi tìm H để nói chuyện; G lấy ở trong nhà 01 tuýp sắt dài khoảng 01m, rồi N điều khiển xe mô tô chở G ra chỗ H đang lồng đất. Ra đến nơi, N cầm dao đứng ở bờ ruộng và nói: "Sao anh lại đánh em tôi", H dừng máy lồng đất tiến lại phía G và N thì G cầm tuýp sắt xuống ruộng, H cũng tiến về phía G, G cầm tuýp sắt đánh từ trên xuống trúng vào đầu H gây thương tích cho H. Bị G đánh, H dùng tay túm lấy G, sau đó hai bên vật lộn, xô xát, giằng co với nhau; thấy vậy N cầm dao xông vào túm cổ áo của H, cùng lúc đó có anh Nguyễn Văn H, bà Lê Thị L và bà Trần Thị M cùng ở xã Xuân Khánh đang làm đồng ở gần đó đến can ngăn hai bên, anh H giật con dao trong tay N ném xuống ao nhà bà Ngô Thị O ở thôn 3, xã Xuân Khánh. Được mọi người can ngăn nên G và N đi về nhà; lúc này H ngồi xuống bờ ruộng, sờ tay lên đầu thì thấy có máu nên chạy lại ruộng nhà bà M lấy một cái cuốc và chạy theo đường tắt đón đầu N và G. Khi thấy H cầm cuốc đuổi theo, N chạy lại nhà bà O lấy được một cái cuốc, G thì cầm tuýp sắt cùng lao vào đánh nhau với H. Khi hai bên đến gần nhau, trong tư thế mặt đối mặt, H cầm cuốc vung lên đánh từ pH sang trái, từ trên xuống đánh thẳng vào người N; N giơ tay trái lên đỡ thì lưỡi cuốc đánh trúng vào mu bàn tay trái của N gây thương tích. Bị H đánh, N dùng cuốc đánh trúng vào vùng lưng của H gây thương tích và làm cuốc trong tay H rơi ra đường, còn G thì cầm tuýp sắt đánh nhiều cái vào vùng đầu, bả vai trái, tay trái của H gây thương tích. Sau đó có ông Lê Đình T và ông Nguyễn Minh N cùng ở xã Xuân Khánh đến căn ngăn nên sự việc xô xát giữa hai bên kết thúc; còn H, N đều bị thương nên được đưa đi cấp cứu.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ 02 cái cuốc và 01 con dao là vật chứng của vụ án. Còn đối với tuýp sắt hình tròn dài khoảng 1m, Cơ quan điều tra đã tiên hành truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 13/01/2018 đối với Đỗ Văn G, thể hiện: "01 vết sưng tại vị trí phía sau bên trái đầu kích thước 02x01cm; tại vị trí quanh mắt có vết thâm bầm tím, bên trong mắt có vết tụ máu đỏ".

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 13/01/2018 đối với Đỗ Văn N, thể hiện: "02 vết rách da chảy máu tại vị trí giữa mu bàn tay trái kích thước 0,5cm (hai vết cách nhau 02cm), bề mép vết thương nham nhở; 01 vết rách da chảy máu tại vị trí gốc ngón tay số 5 mu bàn tay trái kích thước 01cm, bề mép vết thương nham nhở. Ngoài ra không phát hiện dấu vết thương tích nào khác".

Ngày 21/6/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số 92/CSĐT và số 93/CSĐT, trưng cầu đối với thương tích của Đỗ Văn G và Đỗ Văn N do Nguyễn Văn H gây ra. Tại bản kết L giám định pháp y số 408/2018/TTPY ngày 26/6/2018 và số 414/2018/TTPY ngày 27/6/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T Hóa, xác định: tỷ lệ thương tích của Đỗ Văn N là 13%, tỷ lệ thương tích của Đỗ Văn G là 0%.

Ngày 05/9/2018 Nguyễn Văn H có đơn đề nghị giám định lại thương tích đối với Đỗ Văn N. Ngày 11/10/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định lại số 06/CSĐT, trưng cầu giám định lại đối với thương tích đối với Đỗ Văn N. Tại bản kết L giám định lại pháp y về thương tích số 165/2019/TTPY ngày 04/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh T Hóa, xác định: tỷ lệ thương tích của Đỗ Văn N là 13%.

Về vật chứng của vụ án: 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,38m, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại kích thước 19x14cm, là công cụ Nguyễn Văn H sử dụng để gây thương tích cho Đỗ Văn N; hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra, truy tố bị hại là anh Đỗ Văn N chưa có yêu cầu về bồi thường dân sự; trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh N kê khai yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn H pH bồi thường tổng số tiền là 35.200.000đ. Anh Đỗ Văn G chưa có yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với hành vi của Đỗ Văn N và Đỗ Văn G gây thương tích cho Nguyễn Văn H và vật chứng L1 quan là 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,32cm, đường kính 2,8cm, lưỡi cuốc bằng kim loại có kích thước 19x14cm và 01 con dao nhọn, dạng dao bầu dài 35cm; đã được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSTX ngày 27/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận: vào khoảng 17 giờ ngày 13/01/2018 khi H đang lồng đất ruộng ở cánh đồng cây sộp thì bị G và N cầm tuýp sắt và dao đánh vào đầu làm chảy máu. Sau đó được mọi người can ngăn, thấy G và N đi về theo đường bê tông, do còn bực tức việc bị đánh nên H có lấy một cái cuốc tại ruộng nhà bà M đuổi theo N và G để nói chuyện. Khi đi đến gần thì thấy N cũng cầm một cái cuốc, còn G cầm tuýp sắt xông lại để đánh nhau. H trong tư thế mặt đối mặt với N, ở khoảng cách từ 3-4m có cầm cuốc bằng hai tay vung lên đánh từ pH sang trái, từ trên xuống dưới đánh về phía N, đồng thời N cũng cầm cuốc vung lên đánh về phía H, thì cuốc của N và cuốc của H va vào nhau làm cuốc của H bị rơi và H bị thương khựu chân xuống, liền bị G đánh tuýp sắt vào đầu, vai, lưng và tay khiến H bị choáng, nên H không nhìn thấy N và G có bị thương không. Sau đó mọi người vào can ngăn, H được đưa đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện. Bị cáo H thừa nhận thương tích của N là do bị cáo gây nên và không có ý kiến gì về kết L giám định thương tích.

Bị hại là anh Đỗ Văn N trình bày khai: Khi N đang chặt chuối ở nhà thì có nghe N (là em dâu) kể việc G (là em trai N) bị anh H đánh ngoài ruộng lúa, nên N có dắt con dao vừa chặt chuối ở háng xe máy chạy sang nhà G hỏi xem sự việc thế nào; nghe G kể lại việc bị H đánh thì N có bảo với G đi ra ngoài đồng tìm H để nói chuyện; khi gặp H ở cánh đồng cây sộp giữa G và anh H có cãi vã nhau to tiếng và giằng co nhau, N mới chạy lại dùng tay túm cổ áo H kéo lên, thì được mọi người lại can ngăn, nên N và G đi về. Khi đi về đến cánh đồng cây cột điện thì thấy anh

H cầm cuốc đuổi theo, nên N có chạy vào cổng trang trại nhà bà O lấy một cái cuốc để tự vệ, còn G có cầm một tuýp sắt. Khi cả hai đi lại gần anh H, thì N bị H cầm cuốc vung lên đánh thẳng vào đầu, N giơ tay lên đở thì bị lưỡi cuốc đánh vào tay trái, cùng lúc N có vung cuốc quăng lại phía anh H, thì thấy anh H bị rơi cuốc, còn G có lại dùng tuýp đánh anh H, còn đánh thế nào N không rõ; sau đó được mọi người lại can ngăn, anh được ông T lai về nhà. Sau đó anh được đưa đi sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh T Hóa. Anh N kê khai yêu cầu bị cáo H pH bồi thường tổng số tiền là 35.200.000đ, cụ thể gồm: Tiền viện phí 1.000.000đ; Tiền thuê xe đi viện và về 1.000.000đ; Tiền công người chăm sóc trong 7 ngày x 200.000đ/ngày = 1.400.000đ; Tiền mất thu nhập trong thời gian điều trị 60 ngày x 200.000đ/ngày = 12.000.000đ; Tiền thuê xe đi khám lại và tháo bột 1.000.000đ; Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe 2.000.000đ; Tiền đi giám định thương tích 1.800.000đ; Tiền tổn thất sức khỏe = 15.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Cố ý gây thương tích". Đề nghị áp dụng: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 24 (hai mươi tư) tháng đến 28 (hai mươi tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 (bốn mươi tám) tháng đến 56 (năm mươi sáu) tháng. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị xem xét chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường của anh Đỗ Văn N các khoản gồm: về tiền chi phí điều trị, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe, tiền thu nhập thực tế bị mất, về tiền bồi thường tổn thất về tinh thần: buộc H bồi thường từ 5 tháng đến 10 tháng lương cơ sở; nếu các tài liệu do anh N xuất trình có căn cứ. Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,38m, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại kích thước 19x14cm (đã qua sử dụng) là công cụ Nguyễn Văn H sử dụng gây thương tích cho Đỗ Văn N. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Văn H pH chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa của bị cáo H thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo, nguyên nhân xảy ra vụ án và các tình tiết: xem xét tỷ lệ thương tích của anh N; bị cáo có bị kích động về tinh thần; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố bị cáo là người có công, gia đình chính sách, để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được cải tại tại địa phương.

Bị cáo đồng ý với ý kiến tranh L của người bào chữa và không có ý kiến tranh L gì khác; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại thống nhất với quan điểm L tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị xem xét xem bị cáo có cố tình thực hiện tội phạm đến cùng không, có tính chất côn đồ không. Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường của bị hại ngay trong vụ án này trên cơ sở các tài liệu, chứng từ hợp lệ phù hợp với quy định của pháp luật.

Bị hại đồng ý với ý kiến tranh L của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và không có ý kiến tranh L gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận do bực tức việc bị N và G dùng dao và tuýp sắt đánh chảy máu đầu, nên có cầm cuốc đuổi theo G và N để hỏi chuyện; khi lại gần thấy N và G cũng cầm theo cuốc và tuýp sắt xông lại đánh nhau, H trong tư thế đối mặt với N có cầm cuốc vung lên đánh từ pH sang trái, từ trên xuống dưới đánh về phía N, còn cuốc có trúng người N hay không thì H không biết do cùng lúc đó H cũng bị N vung cuốc đánh gây thương tích và bị choáng. Tại phiên tòa bị cáo H thừa nhận thương tích của N là do bị cáo gây nên và không có ý kiến gì về kết L giám định. Người bị hại là anh Đỗ Văn N xác định thương tích của mình là do bị cáo H gây nên bằng cuốc. Lời khai của người có quyền lợi, N vụ L1 quan là anh Đỗ Văn G xác định: thấy H cầm cuốc đuổi theo, nên N có lấy được một cái cuốc để tự vệ; khi cả hai xông vào đánh nhau, H cầm cuốc đánh vào người N, N giơ tay lên đở thì bị cuốc đánh trúng vào tay trái gây thương tích cho N. Lời khai của các người làm chứng là anh Nguyễn Văn H, bà Trần Thị M và ông Lê Đình T đều xác định: thấy bị cáo G cầm tuýp sắt, bị cáo N cầm cuốc và Nguyễn Văn H cầm cuốc xông vào đánh nhau, ngoài ra không có ai khác.

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời trình bày của bị hại, lời khai của người có quyền lợi N vụ L1 quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xem xét dấu vết trên thân thể, kết L giám định về thương tích, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết L: Do bực tức việc bị Đỗ Văn N và Đỗ Văn G đánh do có mâu thuẫn trước đó giữa H với G. Đến khoảng 17 giờ ngày 13/01/2018, khi N và G đã đi về, Nguyễn Văn H có cầm 01 cái cuốc đuổi theo N và xông vào vung cuốc đánh trúng vào mu bàn tay trái của N, gây thương tích cho anh N với tỷ lê tổn thương cơ thể là 13%.

Bị cáo Nguyễn Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; Hành vi của bị cáo được thực hiện do cố ý, gây thương tích cho người khác bằng cái cuốc có cán bằng tre và lưỡi bằng kim loại là “hung khí nguy hiểm”, cùng với hậu quả gây tổn thương cơ thể cho anh Đỗ Văn N là 13%. Do đó, hành vi của bị

cáo Nguyễn Văn H đã phạm vào tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Bị cáo chỉ vì có mâu thuẫn trong đời sống sinh hoạt hàng ngày, khi xảy ra tranh cãi, va chạm, đã không có cách ứng xử phù hợp, không kìm chế được bản thân, mà có hành vi gây nên thương tích cho người khác. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường các quy tắc ứng xử trong đời sống xã hội, coi thường sức khỏe của người khác. Do đó cần pH xử lý vụ án nghiêm minh, tương xứng với hành vi của bị cáo mới có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo H là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân để tự nguyện thực hiện việc bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại do trong giai đoạn điều tra, truy tố bị cáo và bị hai không thỏa thuận được mức bồi thường; ngoài ra bị cáo có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Tổng L1 đoàn lao động Việt N tặng Huy chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn, Ban chấp hành trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh tặng kỷ niệm chương T niên xung phong, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Nguyên nhân xảy ra vụ án cũng có phần lỗi của bị hại: khi biết giữa em trai mình là G và bị cáo H có mâu thuẫn N đã không kiềm chế được bản thân, không có cách giải quyết phù hợp lại cùng với G mang theo hung khí là dao và tuýp để tìm gặp H nói chuyện, nên đã xảy ra sự việc xô sát tiếp theo và bản thân bị cáo H cũng bị N đánh gây thương tích. Tuy đây không pH là tính tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự, nhưng Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét khi xử lý vụ án, quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: Thấy rằng tỷ lệ thương tích của anh N tại bản kết L giám định thương tích lần 1 vào ngày 27/6/2018 và lần 2 vào ngày 04/4/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh T Hóa, đều xác định tỷ lệ thương tích là 13%; Kết L giám định là phù hợp với thương tích của anh N được thể hiện tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể ngày 13/01/2018 và phù hợp với vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ, hơn nữa tại phiên tòa bị cáo H cũng thừa nhận và không có ý kiến gì về kết L giám định, do đó có cơ sở khẳng định tỷ lệ thương tích của anh N 13% là phù hợp. Đối với đề nghị về việc xem xét tình tiết bị cáo có bị kích động về tinh thần, thấy rằng: nguyên nhân xảy ra

mâu thuẫn ban đầu xuất phát từ lỗi của bị cáo H và khi bị hại đã đi về bị cáo còn cầm cuốc đuổi theo đánh nhau, nên vụ án xảy ra; xem xét cả chuỗi hành vi của bị cáo, bị hại thì không có cơ sở cho bị cáo được hưởng tình tiết "phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật nghiêm trọng của nạn nhân gây ra".

[6] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại về việc đề nghị xem xét xem bị cáo có cố tình thực hiện tội phạm đến cùng không, có tính chất côn đồ không: Thấy rằng nguyên nhân và điều kiện xảy ra hành vi phạm tội là trước đó giữa bị cáo và bị hại có xảy ra mâu thuẫn, bị cáo có bị đánh chảy máu ở đầu và do không kìm chế được bản thân, bị cáo đã cầm cuốc đuổi bị hại, thấy bị hại cũng cầm cuốc đi lại, nên cả hai xông vào đánh nhau, bản thân bị cáo cũng bị thương tích, sau đó được mọi người can ngăn đưa cả hai đi bệnh viện; nên hành vi của bị cáo không thuộc trường hợp "phạm tội có tính chất côn đồ" và "cố tình thực hiện tội phạm đến cùng".

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo H nhất thời phạm tội, nguyên nhân xảy ra vụ án có phần lỗi của bị hại; bị cáo không pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng và có khả năng tự cải tạo. Vì vậy, xét không cần thiết pH cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo H được hưởng án treo cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh N bị thương tích gãy xương bàn 3, 4 bàn tay trái được đưa đi sơ cứu, điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân và Bệnh viện đa khoa tỉnh T Hóa trong ngày 13/01/2018 thì xin ra viện về nhà điều trị theo đơn. Xét thương tích của anh N là do bị cáo H gây nên; Vì vậy bị cáo H pH có trách nhiệm bồi thường cho anh N các khoản chi phí hợp lý theo quy định của pháp luật. Xét các khoản chí phí anh N kê khai yêu cầu bồi thường thấy rằng:

Tiền viện phí 1.000.000đ, anh N kê khai yêu cầu, nhưng không cung cấp được hóa đơn chứng từ, không có cơ sở xem xét, nên không chấp nhận;

Tiền thuê xe ô tô đi bệnh viện điều trị và đi tháo bột (đi và về) 4 lượt là 2.000.000đ, mặc dù không có hóa đơn nhưng là chi phí thực tế và tại phiên tòa bị cáo H đồng ý bồi thường, nên được chấp nhận;

Tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: xét việc anh N bị thương tích, pH bồi dưỡng để phục hồi sức khỏe là cần thiết nên chấp nhận khoản tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe cho anh N như kê khai là 2.000.000đ;

Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại trong thời gian điều trị: Anh N điều trị thương tích tại bệnh viện trong ngày 13/01/2018 thì ra viện điều trị theo đơn. Xét anh N bị thương tích ở tay, nên không thể lao động ngay được mà cần có thời gian để nghỉ ngơi, ổn định sức khỏe, nên chấp nhận thời gian anh N bị mất thu nhập do không lao động được là 31 ngày (gồm 01 ngày điều trị tại bệnh viện và 30

ngày để ổn định sức khỏe sau khi ra viện). Xét anh N đề nghị xác định theo mức thu nhập 200.000đ/ngày là phù hợp với mức thu nhập trung bình tại địa phương, nên được chấp nhận. Như vậy, tiền thu nhập thực tế bị mất của anh N là 200.000đ/ngày x 31 ngày = 6.200.000đ;

Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc người bị hại trong thời gian điều trị: anh N chỉ năm điều trị tại bệnh viện trong thời gian 01 ngày, do đó chỉ chấp nhận tiền thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc là 01 ngày x 200.000đ/ngày = 200.000đ;

Bồi thường tổn thất tinh thần: Xét anh N bị thương tích, không chỉ ảnh hưởng về mặt sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến tinh thần, nên cần buộc bị cáo H pH bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho anh N là phù hợp, tuy nhiên anh N yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần 15.000.000đ là không phù hợp. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 590 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận khoản tiền bồi thường tổn thất về tinh thần cho anh N ở mức tương đương 08 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định = 1.490.000đ x 8 tháng = 11.920.000đ;

Tiền chi phí đi giám định thương tích 1.800.000đ, anh N kê khai nhưng không có hóa đơn, chứng từ và không phù hợp quy định của pháp luật nên không được chấp nhận;

Như vậy, tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn H pH bồi thường cho anh Đỗ Văn N là 22.320.000đ. Bị cáo H đã nộp 10.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân để tự nguyện thực hiện việc bồi thường cho anh N. Do đó, bị cáo Nguyễn Văn H còn pH bồi thường tiếp 12.320.000đ cho anh Đỗ Văn N. Số tiền bị cáo H đã tự nguyện nộp tại Chi cục thi hành án cần tuyên giao trả cho anh Đỗ Văn N.

[9] Về vật chứng vụ án: 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,38m, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại kích thước 19x14cm của gia đình bà Trần Thị M là công cụ bị cáo sử dụng phạm tội, bà M không xin nhận lại, hiện không còn giá trị, nên cần tịch thu tiêu hủy. Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi của Đỗ Văn N và Đỗ Văn G gây thương tích cho Nguyễn Văn H và vật chứng L1 quan là 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,32cm, đường kính 2,8cm, lưỡi cuốc bằng kim loại có kích thước 19x14cm và 01 con dao nhọn, dạng dao bầu dài 35cm; đã được giải quyết bằng vụ án khác, nên không xem xét.

[11] L1 quan đến vụ án này, bị cáo H còn có hành vi đánh Đỗ Văn G, tuy nhiên tại bản kết L giám định pháp y số 414/2018/TTPY ngày 27/6/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T Hóa, xác định: tỷ lệ thương tích của Đỗ Văn G là 0%, nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm đối với H về hành vi này là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự: anh G cũng chưa có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi N vụ L1 quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 136; điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh T Hoá giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm N vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo pH chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn H pH bồi thường cho anh Đô Văn N tổng số tiền là 22.320.000đ; Ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H đã bồi thường được 10.000.000đ, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Bị cáo Nguyễn Văn H còn pH bồi thường tiếp cho anh Đỗ Văn N số tiền là 12.320.000đ (mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).

Anh Đỗ Văn N được nhận số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) do Nguyễn Văn H đã tự nguyện giao tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân, tỉnh T Hóa theo Biên lai thu tiền số AA/2011/00290 ngày 17/5/2019.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người pH thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì pH trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 01 cái cuốc có cán bằng tre dài 1,38m, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại kích thước 19x14cm. Vật chứng trên hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2019 và Phiếu nhập kho số PNK 35 ngày 30/5/2019.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H pH chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 616.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 816.000đ (tám trăm mười sáu nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi N vụ L1 quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có L1 quan đến quyền lợi, N vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh T Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh T Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại:
- Người có quyền lợi, N vụ L1 quan;
- Người bảo chữa;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến